

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày 26/ 12/2017

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Lưu Đình Hùng**
Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Minh Hồng**
Ông Nguyễn Văn Cường

- **Thư ký phiên toà:** **Bà Trương Thị Thu Hương** - Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà:**
Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 26/12/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 601/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị Lê Thị Thu T**, sinh năm 1985
HKTT: phường B, quận Long Biên, Hà Nội
Chỗ ở hiện nay: phường Đ, quận Long Biên, Hà Nội
(*Có mặt*)

* **Bị đơn:** **Anh Lê Quang H**, sinh năm 1984
HKTT: phường B, quận Long Biên, Hà Nội
Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại trại giam L, huyện X, thành phố Thanh Hóa
(*Có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu T trình bày: Chị và anh Lê Quang H đăng ký kết hôn ngày 22/11/2005 tại UBND phường B, quận Long Biên, Hà Nội. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H phạm tội “Cướp tài sản” và bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 19 năm tù. Hiện nay anh H đang thụ án tại phân trại 6 Trại giam L, huyện X, thành phố Thanh Hóa. Quá trình anh H đi cải tạo chị vẫn thỉnh thoảng lên thăm hỏi động viên anh H cải tạo cho tốt, khi đến thăm hỏi anh H chị có trao đổi với anh H về việc ly hôn và anh H cũng đồng ý. Nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh

H vì tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống vợ chồng mệt mỏi không còn khả năng để đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Hương G, sinh ngày 20/10/2006. Sau khi ly hôn, chị T muốn nuôi cháu G và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

*Tại bản tự khai ngày 30/10/2017 của bị đơn là anh Lê Quang H trình bày: Anh và chị T đăng ký kết hôn ngày 22/11/2005 tại UBND phường B, quận Long Biên, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ phát sinh vào năm 2014 do anh bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 19 năm tù về tội Cướp tài sản. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh đi cải tạo tại trại giam L (Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: phân trại 6 Trại giam L, huyện X, thành phố Thanh Hóa), cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Anh H cũng muốn ly hôn để giải phóng cho chị T. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Hương G, sinh ngày 20/10/2006. Sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thẩm quyền: Toà án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 19, điều 51, khoản 2 điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

+Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu T đối với anh Lê Quang H.

+Con chung: Giao cháu Lê Hương G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

+Tài sản: Không xem xét giải quyết.

+Chị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

* Về tố tụng: Anh Lê Quang H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam L, huyện X, Thanh Hóa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H đăng ký kết hôn ngày 22/11/2005 tại UBND phường B, quận Long Biên, TP Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến tháng 4/2014 anh H vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 19 năm tù giam và phải đi cải tạo tại trại giam L trong thời gian dài, mặc dù chị T thỉnh thoảng có thăm hỏi động viên nhưng ở vào hoàn cảnh thực tế thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay, chị T cương quyết xin ly hôn, anh H đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

* Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Hương G, sinh ngày 20/10/2006. Hiện nay, anh H đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện chăm sóc con. Vì vậy, HĐXX thấy rằng cần để chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G, sau khi anh chị ly hôn là hợp lý. Chị T không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

* Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về án phí: Chị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu T đối với anh Lê Quang H. Chị T được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Xác định anh chị có 01 con chung là Lê Hương G, sinh ngày 20/10/2006. Sau khi ly hôn, chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Không ai được ngăn cản việc gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006039 ngày 04/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay, chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND q. Long Biên;
- THADS q. Long Biên;
- UBND P. Long Biên
(Số 107, quyền số 1/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đình Hùng